

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2022

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hòa Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Sơn Điền

2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Trần Huy Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thanh N, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 5, ấp Nha S, xã Vĩnh Đ, huyện Giang T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Long H, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ 18, anh Hấp Phú AB, xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

Chị N có mặt, anh H vắng mặt phiên tòa lần 2, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 03 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H tiến tới hôn nhân là do mai mối, không có thời gian tìm hiểu nhau trước, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú V, thị xã Tân C, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 86 quyển số I/ 2012.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kiêu kiện kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm,

thường xuyên cự cãi nhau, từ đó anh H bỏ gia đình lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống bỏ mặc không quan tâm đến mẹ con chị, đã không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về nuôi con chung: Chị N và anh H có 02 đứa con chung tên Lê Long H1, sinh ngày 13/09/2012, Lê Long H2, sinh ngày 20/7/2016 hiện đang sống chung với chị N, khi ly hôn chị Nguyễn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung : Không có.

Bị đơn anh Lê Long H có hộ khẩu thường trú tại Tổ 18, anh Hấp Phú AB, xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang. Anh H không có mặt tại nơi cư trú. Do đó, Tòa án không ghi được lời khai của anh H, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng bằng cách niêm yết tại nơi cư trú của anh H, theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham giam tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 – 71- 72 - 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Lê Long H vắng mặt phiên tòa lần 2, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Thanh N với anh Lê Long H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 86 quyển số I/ 2012. do UBND xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, cấp cho chị Võ Thị Thanh N và anh Lê Long H không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Giao 02 cháu tên Lê Long H1, sinh ngày 13/09/2012, Lê Long H2, sinh ngày 20/7/2016 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu trưởng thành và tự lập được, anh H không phải dưỡng nuôi con chung (cháu Huy có nguyện vọng sống với chị N).

Chị N tạo mọi điều kiện cho anh H đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung : Chị N khai trong thời gian sống chung với anh H không có tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên do anh H vắng mặt nơi cư trú, không có lời khai nên không xác định được giữa chị N và anh H có tài sản chung và nợ chung không, do đó đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Võ Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[ 1] Về tố tụng:

[ 1.1] Về thẩm quyền: Chị Võ Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Long H có địa chỉ cư trú tại: Tổ 18, ấp Phú AB, xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Long H vắng mặt phiên tòa lần 2, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H sống chung, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú V, thị xã Tân C, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giấy chứng nhận kết hôn số 86 quyền số I/ 2012 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc được đến 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, hiện tại đã không sống chung từ 2016 đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, chị N yêu cầu ly hôn với anh H.

Anh H vắng mặt tại nơi cư trú, do đó Tòa án không ghi được lời khai của anh H, qua xác minh thì được biết, cuộc sống chung giữa chị N và anh H không hạnh phúc.

Nhận thấy, theo quy định của pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống, tuy nhiên cuộc sống chung giữa chị N và anh H chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, anh H đã bỏ mặc vợ con trong thời gian dài, trong thời gian từ không sống chung từ năm 2016 cho đến nay cả hai không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử động viên chị N hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N cương quyết ly hôn. Điều này cho

thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần cho ly hôn giữa chị N với anh H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh H có 02 đứa con chung tên Lê Long H1, sinh ngày 13/09/2012, Lê Long H2, sinh ngày 20/7/2016 đang sống với chị N, chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, các cháu H1, H2 đã sống với chị N ổn định, đồng thời cháu Huy có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị N, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao các cháu H1, H2 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N tạo mọi điều kiện cho anh H đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai trong thời gian sống chung với anh H không có tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên do anh H vắng mặt nơi cư trú, không có lời khai, nên không xác định được giữa chị N và anh H có tài sản chung và nợ chung không, do đó không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006301 ngày 16 tháng 03 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử :**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Thanh N với anh Lê Long H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 86 quyển số I/ 2012. do UBND xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, cấp cho chị Võ Thị Thanh N và anh Lê Long H không còn giá trị pháp lý.

- *Về nuôi con chung*: Giao các cháu tên Lê Long H1, sinh ngày 13/09/2012, Lê Long H2, sinh ngày 20/7/2016 cho chị Võ Thị Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và tự lập được, anh Lê Long H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị Thanh N tạo mọi điều kiện cho anh Lê Long H đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở anh Lê Long H thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không đề cập giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Võ Thị Thanh N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006301 ngày 16 tháng 03 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Võ Thị Thanh N có mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, và anh Lê Long H vắng mặt tại phiên, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hòa Bình**